

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST

Ngày 30/6/2025

“V/v ly hôn giữa chị Cấn
và anh Cường”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 16 /5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C, sinh năm 1989 (đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn C1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và Bản ghi ý kiến, nguyên đơn là chị Trần Thị C trình bày: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn C1 kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và được Toà án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết ly hôn. Năm 2023, anh chị lại tiếp tục đăng ký kết hôn nhưng quá trình chung sống vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng ly thân nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh C1.

- Về con chung: Chị C trình bày vợ chồng có 05 con chung là: Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/2/2010; Trần Thị H1, sinh ngày 22/8/2011; Trần T, sinh

ngày 04/8/2016; Trần Ánh D, sinh ngày 07/2/2018 và Trần Tú U, sinh 20/5/2023. Hiện cả 5 con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con nhỏ là Trần Ánh D và Trần Tú U, còn lại 3 con lớn là Trần Thị Thúy H, Trần Thị H1 và Trần T, chị đề nghị để anh C1 trực tiếp nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không đặt ra.

- Về tài sản, công sức, công nợ chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Trần Văn C1, mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh C1 không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, chị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn C1.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Văn C1 trực tiếp nuôi 3 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/2/2010; Trần Thị H1, sinh ngày 22/8/2011 và Trần T, sinh ngày 04/8/2016. Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi 2 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 07/2/2018 và Trần Tú U, sinh 20/5/2023. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Trần Thị C do thuộc hộ nghèo.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị C và anh Trần Văn C1 đều cư trú trên địa bàn huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù nguyên đơn là chị Trần Thị C và bị đơn là anh Trần Văn C1 vắng mặt nhưng chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần áp dụng khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Xem xét yêu cầu của chị Trần Thị C xin ly hôn anh Trần Văn C1: Chị C và anh C1 kết hôn lại với nhau ngày 11/8/2023 dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, mặc dù trước đó anh chị đã từng là vợ chồng (kết hôn lần đầu năm 2009) và có 4 con chung nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã được Toà án giải quyết cho ly hôn, tuy nhiên, khi kết hôn trở lại anh chị vẫn không cải thiện được, luôn xảy ra bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến phải ly thân nhau. Nay chị C vẫn cương quyết xin ly hôn, còn anh C1 không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị C, cũng không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải, không đến phiên toà, chứng tỏ anh C1 cũng không có nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh C1.

[4]. Về con chung: Anh chị có 5 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/2/2010; Trần Thị H1, sinh ngày 22/8/2011; Trần T, sinh ngày 04/8/2016; Trần Ánh D, sinh ngày 07/2/2018 và Trần Tú U, sinh 20/5/2023. Hiện cả 5 con chung đang ở cùng chị C, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, thuộc hộ nghèo. Nay chị C đề nghị nuôi 2 con chung nhỏ là D và U; phía anh C1 không đưa ra yêu cầu của mình về việc nuôi con chung nhưng các con lớn của anh chị là H, H1 và T đều có nguyện vọng muốn được ở với anh C1. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của anh chị, nguyện vọng của các con chung của anh chị và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà, cần áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho anh Trần Văn C1 trực tiếp nuôi 3 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/2/2010; Trần Thị H1, sinh ngày 22/8/2011 và Trần T, sinh ngày 04/8/2016; Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi 2 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 07/2/2018 và Trần Tú U, sinh 20/5/2023. Do các đương sự không đưa ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

[5]. Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị C thuộc hộ nghèo, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên cần miễn án phí ly hôn cho chị C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Trần Văn C1

2/ Về con chung: Giao cho anh Trần Văn C1 trực tiếp nuôi 3 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 12/2/2010; Trần Thị H1, sinh ngày 22/8/2011 và Trần T, sinh ngày 04/8/2016. Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi 2 con chung là Trần Ánh D, sinh ngày 07/2/2018 và Trần Tú U, sinh 20/5/2023. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra cho đến khi đương sự có yêu cầu.

3/ Án phí: Miễn nộp án phí ly hôn cho chị Trần Thị C.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Yên Thế
- Chi cục THA DS Yên Thế
- UBND xã Tiến Thắng, h. Yên Thế
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà